

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12-3-2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thạch.

2. Ông Nguyễn Xuân Thí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2019 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2020/QĐ-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984

Hiện cư trú tại: Tỉnh Ibaraki, Thành phố Ryugasaki, Nakanedai chome 1-1-1 Royal 303 Janpan, Nhật Bản.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố 8, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Đăng V, sinh năm 1979

Hiện cư trú tại: Tổ dân phố P, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” ngày 28/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đăng V tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường Việt Trung vào ngày 24/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên mấy năm trở lại đây đã xảy ra một số mâu thuẫn từ chuyện muợn con. Anh chị đã cùng nhau đi chữa trị nhiều nơi nhưng không có kết quả. Để tạo điều kiện cuộc sống mỗi người được tốt

hơn chị Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Đăng V.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Đăng V trình bày:

Anh V thông nhất như trình bày của chị T về quá trình tìm hiểu và kết hôn. Năm 2016, do cuộc sống gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng bàn bạc cho chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản để có thêm thu nhập cho gia đình. Thời gian đầu vợ chồng sống xa nhau vẫn thường xuyên liên lạc, sau đó khoảng 1 năm thì chị T không còn liên lạc về nữa. Mỗi người một nơi, giữa vợ chồng thiếu niềm tin và sự quan tâm lẫn nhau nên đã dẫn đến xung đột, mâu thuẫn. Hiện tại, anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Đăng V.

Về con chung và tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T là công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài về Việt Nam ngày 30/4/2019 nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc vắng mặt của đương sự trong trường hợp này, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Đăng V và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp. Trước đó, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng anh V, chị T cùng bàn bạc cho chị T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài để có thêm thu nhập. Tuy nhiên, trong thời gian dài vợ chồng sống xa nhau, giữa vợ chồng đã không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau thường xuyên nên đã phát sinh mâu thuẫn. Tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình lâu ngày không được vun đắp nên có nhiều rạn nứt. Hiện tại hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không ai có mong muốn hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Chị T có yêu cầu giải quyết ly hôn và được anh V đồng ý. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung trên thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Đăng V là hoàn toàn phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Đăng V trình bày chị Nguyễn Thị T có nợ của ông Lê Đăng Mỹ, bà Trần Thị Duyên (bố mẹ anh V) số tiền 40.000.000 đồng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T trả số tiền trên cho bố mẹ anh V thì anh sẽ đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, ngày 27/02/2020 anh V có đơn trình bày về việc rút yêu cầu giải quyết về tài sản vì vợ chồng đã thỏa thuận được về số tiền này, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Do đó, về tài sản chung, nợ chung trong vụ án các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 474, 475 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đăng V được ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0005193 ngày 05/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Lê Đăng V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Các đương sự;
- Cục THA dân sự tỉnh QB;
- Lưu án văn, Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Võ Bá Lưu